TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 35/2023/HSST.
Ngày 24/5/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Trọng Bình và bà Nguyễn Thị Hồng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Hưởng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/5/2023 tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2023/HSST ngày 13/04/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST- HS ngày 10/5/2023, đối với bị cáo:

Lang Văn Y, Sinh năm 1965, tại tỉnh Thanh Hoá;

Nơi ĐKNKTT: Thôn M, xã S, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 2/12;

Con ông: Lang Văn M (chết) và bà Hoàng Thị 0 (chết).

Bị cáo có vợ là Riêu Thị S, sinh năm 1973 hiện sinh sống tại thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk và sống như vợ chồng với bà Trịnh Thị T, sinh năm 1964 ở xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2022 đến nay (có mặt).

+ *Bị hại*: Ông **Nguyễn Hữu S**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Ông **Nguyễn Viết V**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bà **Riêu Thị S**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Ông **Trần Minh Đ**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: TDP B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ Người làm chứng:

- Ông **Lê Duy T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn A, xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2008, Lang Văn Y và bà Riêu Thị S (sống chung với nhau như vợ chồng, chưa đăng ký kết hôn) có chuyển nhượng 3,4 ha diện tích đất rẫy tại xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk cho ông Nguyễn Minh Đ với giá 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng), sau khi chuyển nhượng đất rẫy xong vợ, chồng ông Y đã nhận đủ số tiền nói trên từ ông Đ, việc chuyển nhượng đất giữa ông Đ và vợ, chồng ông Y có làm giấy tờ viết tay với nhau, đồng thời có Nguyễn Viết V là người chứng kiến. Sau khi nhận chuyển nhượng đất rẫy ông Đ thấy gia đình ông Y và bà S còn khó khăn nên ông Đ để vợ, chồng Lang Văn Y tiếp tục canh tác trên diện tích đất trên.

Năm 2011, do có nhu cầu mua đất rẫy để canh tác, ông Nguyễn Hữu S tìm gặp Nguyễn Viết V và nhờ V tìm giúp cho ông S một lô đất rẫy thì V đồng ý. Mấy ngày sau, V dẫn ông S đi xem đất rẫy mà Lang Văn Y đang canh tác, xem xong ông S nói với V hỏi người chủ đất bán giá như thế nào rồi cùng nhau thoả thuận. Khoảng mấy ngày sau, V gọi điện thoại cho ông S thông báo có chủ đất rẫy đi cùng nên ông S đã nhờ anh Lê Duy T đi xe máy chở ông S đi ra khu vực đất rẫy còn ông V đi xe máy chở Lang Văn Y. Sau khi đo đạc, chỉ ranh giới đất rẫy xong rồi cùng nhau thoả thuận giá chuyển nhượng đất rẫy là 3.000.000 đồng/1sào và ông S yêu cầu khi lập giấy chuyển nhượng phải có vợ, chồng đi cùng, do Y sợ bà Riêu Thị S không đồng ý (vì đất rẫy trước đó đã bán cho ông Đ) nên đã nói lại với V, để

có người ký và giấy chuyển nhượng V đã đến nhà của Nguyễn Thị H và nói với H là đi ký giấy tờ mua bán đất cho V, ký xong thì V cho Hoa số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), khi nào đi thì V sẽ gọi, nghe V nói vậy bà H đồng ý. Mấy ngày sau (vào buổi tối khoảng 19h00), Nguyễn Viết V gọi điện thoại hẹn H ra chỗ cây Cầu (gần nhà của ông S) để đi ký giấy tờ mua bán đất thì H đồng ý. Sau đó, H lấy xe máy một mình đi ra điểm hẹn như trên, đứng chờ một lúc thì thấy V chở Y đi bằng xe máy của V đến chỗ H đang đứng đợi. Tại đây, V nói với H giả làm vợ cho Y để đi làm giấy tờ mua bán đất, nghe vậy H làm theo lời của V, lúc này Y lấy xe máy của V cùng H đi vào trong nhà của ông Nguyễn Hữu S còn V đi về nhà mình. Sau khi vào nhà ông S, Lang Văn Y và Nguyễn Thị H gặp vợ, chồng ông S rồi cùng nhau trao đổi về việc chuyển nhượng đất rẫy. Sau khi thoả thuận giá cả xong bà Nguyễn Thị S (vợ ông S) viết 02 tờ giấy gồm: Đơn xin sang nhượng đất rẫy, Giấy biên nhận, trong 02 tờ giấy này có ghi số tiền chuyển nhượng đất là 97.000.000 đồng (chín mươi bảy triệu đồng), đồng thời vợ, chồng ông S giao đủ số tiền 97.000.000 đồng cho Y và H. Khi nhận tiền xong, Lang Văn Y và Nguyễn Thị H không đọc lại nội dung trong 02 tờ giấy bà S đã viết, không đếm lại hết số tiền mà vợ, chồng ông S đã giao rồi Y ký tên Lang Văn Y còn H ký giả tên vợ Y là bà Riêu Thị S vào trong 02 tờ giấy do bà S viết nói trên. Sau khi ký giấy tờ xong với Y và H thì ông S có nhờ anh Lê Duy T ký tên vào mục người làm chứng trong 02 tờ giấy mà bà S đã viết.

Sau khi lấy tiền xong, Y chở H đi về, sau đó gặp V thì Lang Văn Y đưa cho V số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), trong số tiền này V lấy 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đưa cho H, còn V lấy số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), số tiền còn lại Lang Văn Y lấy, khi chia tiền xong H lấy xe máy của H đi về nhà, còn V lấy xe máy của V chở Y đi về, trên đường đi về gần đến nhà của Y thì V có mượn Y số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), trong số tiền 97.000.000 đồng đã chiếm đoạt được từ vợ, chồng ông S. Sau khi thực hiện hành vi lừa đảo Lang Văn Y lo sợ bị phát hiện nên đã bỏ trốn khỏi địa phương.

Quá trình điều tra xác định vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo Lang Văn Y là người trực tiếp ký giấy chuyển nhượng quyền sử dụng 3,4 Ha đất cho ông Nguyễn Hữu S với số tiền 97.000.000 đồng, mặc dù mảnh đất này vào năm 2008 bị cáo đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Minh Đ. Mục đích của bị cáo là muốn lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Hữu S và bà Nguyễn Thị S, trong tổng số tiền lừa đảo 97.000.000 đồng, bị cáo lấy 86.000.000 đồng (tám mươi sáu triệu đồng) ; Nguyễn Viết V là người trực tiếp đứng ra giới thiệu đất rẫy của bị cáo Lang Văn Y

cho ông Nguyễn Hữu S, là người tìm bà H để giả làm vợ cho ông Y và sắp xếp cuộc hẹn để đi ký giấy tờ chuyển nhượng đất với vợ, chồng ông S để giúp Lang Văn Y chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Hữu S. Trong số tiền 97.000.000 đồng (chín mươi bảy triệu đồng), Nguyễn Viết V đã lấy số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và mượn ông Y 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nhưng không trả lại cho ông Y. Tổng số tiền mà Nguyễn Viết V lấy được từ việc lừa bán đất cho vợ, chồng ông S là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng); Nguyễn Thị H đóng giả làm bà Riệu Thị S (vợ của Lang Văn Y) để ký giấy chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Hữu S mục đích là để được trả công 3.000.000 đồng, việc làm của H đã giúp Lang Văn Y lừa đảo chiếm đoạt số tiền 97.000.000 đồng (chín mươi bảy triệu đồng). Trong số tiền 97.000.000 đồng, Nguyễn Thi H được chia số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea S tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết " S, Riệu Thị S" trong đơn sang nhượng đất rẫy và giấy biên nhận với chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị H để xác định có phải cùng một người viết ra hay không. Ngày 06/02/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk có Kết luận giám định số 127/KL-KTHS, kết luận chữ ký và chữ viết trong trong đơn sang nhượng đất rẫy và giấy biên nhận là do bà Nguyễn Thị H viết ra.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Nguyễn Hữu S yêu cầu Lang Văn Y, Nguyễn Viết V và Nguyễn Thị H phải bồi thường số tiền đã lừa đảo của ông là: 97.000.000 đồng; Nguyễn Viết V đã nộp số tiền 8.000.000 đồng, Nguyễn Thị H đã nộp số tiền 4.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Đối với Nguyễn Viết V và Nguyễn Thị H do thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết, nên ngày 28/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện E căn cứ Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự ra Quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can Nguyễn Viết V và Nguyễn Thị H do đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 5 Điều 157 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 11/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Lang Văn Y về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo Lang Văn Y khai nhận toàn bộ hành vi do bị cáo thực hiện phù hợp với Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện E và không có ý kiến gì. Người bị hại ông Nguyễn Hữu S yêu cầu Lang văn Y, Nguyễn Viết V, Nguyễn Thị H phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 97.000.000 đồng .

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, đánh giá, phân tích tính chất vụ án, những chứng cứ về hành vi phạm tội, về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lang Văn Y phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Lang Văn Y từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2022.

+ Về các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc Lang văn Y, Nguyễn Viết V, Nguyễn Thị H phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt là 97.000.000 đồng, tiếp tục tạm giữ số tiền của Nguyễn Viết V và Nguyễn Thị H đã nộp để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo Lang Văn Y tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng tháng 03 năm 2011, tại xã Y, huyện E, tỉnh Đắk Lắk Lang Văn Y cùng với Nguyễn Viết V và Nguyễn Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị S với tổng số tiền 97.000.000 đồng (chín mươi bảy triệu đồng). Sau khi chiếm đoạt Lang Văn Y bỏ trốn khỏi địa

phương, đến ngày 01/12/2022 Lang Văn Y bị bắt theo lệnh truy nã. Đối với Nguyễn Viết V và Nguyễn Thị H do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên ngày 28/3/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện E đã ra quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can Nguyễn Viết V và Nguyễn Thị H là có căn cứ.

Đối với bị cáo Lang Văn Y xét hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội khi Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực vì vậy bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea súp truy tố bị cáo Lang Văn Y về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Lang Văn Y đã phạm vào tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999.

Tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

...

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là dân tộc thiểu số. do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điển s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Sau khi phạm tội bị cáo còn bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, xử lý vụ án, thể hiện ý thức

xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, vai trò, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và các biện pháp tư pháp khác.

[5] Về các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lang Văn Y, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết V và bà Nguyễn Thị H phải bồi thường cho ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị S số tiền đã chiếm đoạt là 97.000.000 đồng (cụ thể: Bị cáo Lang Văn Y phải bồi thường 86.000.000 đồng; ông Nguyễn Viết V phải bồi thường 8.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H phải bồi thường 3.000.000 đồng), số tiền do ông V, bà H đã nộp cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết V và bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Lang Văn Y** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1/ Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo **Lang Văn Y** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 01/12/2022.

2/ Về các biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lang Văn Y, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết V và bà Nguyễn Thị H phải bồi thường cho ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị S số tiền đã chiếm đoạt là 97.000.000 đồng (cụ thể: Bị cáo Lang Văn Y phải bồi thường 86.000.000 đồng; ông Nguyễn Viết V phải bồi thường 8.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị H phải bồi thường 3.000.000 đồng)

Tiếp tục tạm giữ của ông Nguyễn Viết V số tiền 8.000.000 đồng đã nộp vào tài khoản số 39490104746500000 ngày 12/4/2023 của Kho bạc Nhà nước E và 4.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai số 0001622 ngày 12/4/2023 để đảm bảo công tác thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi ành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Lang Văn Y phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Viết V và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- Cơ quan THA hình sự Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện E;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Bùi Xuân Sơn

- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS.